

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: **19** /2023/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày **14** tháng 11 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định về một số chế độ và điều kiện đảm bảo hoạt động  
của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK  
KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày  
20 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm  
2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành quy định về chế độ, chính sách  
và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH14 ngày 18 tháng 9 năm 2020  
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập và quy định vị trí, chức năng,  
nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và  
Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;*

*Xét Tờ trình số 737/TTr-HĐND ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Ban Pháp  
chế Hội đồng nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định về một số chế độ và  
điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh  
Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 201/BC-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của  
Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu  
Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về một số chế độ và điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Mười một thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2023, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 và thay thế Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- UBMTTQVN tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy; UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành ở tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường, TT (UBND cấp huyện sao gửi);
- Báo Đắk Lắk, Đài PT-TH tỉnh;
- TTCN & Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, Ct.HĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Huỳnh Thị Chiến Hòa**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH ĐẮK LẮK Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY ĐỊNH**

**Về một số chế độ và điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**  
(Kèm theo Nghị quyết số **19**./2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định về một số chế độ và điều kiện đảm bảo hoạt động tiếp xúc cử tri; các hoạt động giám sát; hỗ trợ công tác; khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ; may lễ phục; nghiên cứu; học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu và một số hoạt động khác của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh; HĐND huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện); HĐND xã, phường, thị trấn (cấp xã) trên địa bàn tỉnh.

2. Các nội dung khác có liên quan đến chế độ và điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp không quy định tại Quy định này được thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND ở tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

2. Cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp tham mưu, phục vụ hoạt động của HĐND.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến thực hiện chế độ và điều kiện bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3. Nguyên tắc thực hiện**

1. Kinh phí hoạt động hàng năm của HĐND cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo và được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của từng cấp HĐND.

2. Trường hợp đại biểu HĐND tham gia hai cấp thì các chế độ: may lễ phục; nghiên cứu; khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ; tiếp xúc cử tri chỉ được hưởng mức cao nhất.

3. Trường hợp đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách và là thành viên các Ban của HĐND thì các chế độ có liên quan chỉ được hưởng mức cao nhất.

4. Việc chi phục vụ đoàn công tác của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và các đại biểu tham gia đoàn công tác do HĐND cấp triệu tập đảm bảo.

## **Chương II**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 4. Chế độ đối với hoạt động tiếp xúc cử tri**

1. Hỗ trợ đại biểu HĐND tham gia tiếp xúc cử tri

a) Đại biểu HĐND tỉnh: 3.000.000 đồng/người/năm.

b) Đại biểu HĐND cấp huyện: 2.000.000 đồng/người/năm.

c) Đại biểu HĐND cấp xã: 1.000.000 đồng/người/năm.

2. Bồi dưỡng công chức, người lao động trực tiếp tham gia, phục vụ đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách tiếp xúc cử tri

a) Đối với hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Đối với hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi.

c) Đối với hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

3. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri

a) Báo cáo của tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo.

b) Báo cáo của cấp huyện: 300.000 đồng/báo cáo.

c) Báo cáo của cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo.

#### **Điều 5. Chế độ đối với kỳ họp Hội đồng nhân dân; hội nghị, cuộc họp, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân**

1. Bồi dưỡng tham gia kỳ họp HĐND

a) Chủ tọa kỳ họp HĐND tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi; kỳ họp HĐND cấp huyện: 150.000 đồng/người/buổi; kỳ họp HĐND cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Đại biểu HĐND, Thư ký kỳ họp HĐND tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi; kỳ họp HĐND cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi; kỳ họp HĐND cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

c) Đại biểu khách mời; công chức, người lao động trực tiếp tham mưu, phục vụ kỳ họp; phóng viên của Báo, Đài tham dự kỳ họp HĐND tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi; kỳ họp HĐND cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi; kỳ họp HĐND cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

## 2. Bồi dưỡng công tác soạn thảo tài liệu phục vụ kỳ họp HĐND

a) Soạn thảo bài phát biểu khai mạc, bế mạc, dự kiến chương trình kỳ họp, kịch bản điều hành, gợi ý thảo luận, tổng hợp ý kiến thảo luận, thông báo kết quả... (gọi chung là bộ tài liệu): Kỳ họp HĐND tỉnh: 1.000.000 đồng/bộ tài liệu; kỳ họp HĐND cấp huyện: 500.000 đồng/bộ tài liệu; kỳ họp HĐND cấp xã: 300.000 đồng/bộ tài liệu.

b) Hoàn thiện biên bản: 500.000 đồng/kỳ họp HĐND tỉnh; 300.000 đồng/kỳ họp HĐND cấp huyện; 100.000 đồng/kỳ họp HĐND cấp xã.

c) Báo cáo, nghị quyết cá biệt do Thường trực HĐND, các Ban của HĐND soạn thảo trình kỳ họp HĐND tỉnh: 500.000 đồng/văn bản; kỳ họp HĐND cấp huyện: 300.000 đồng/văn bản; kỳ họp HĐND cấp xã: 200.000 đồng/văn bản.

## 3. Bồi dưỡng rà soát tiếp thu ý kiến thẩm tra, chỉnh lý hoàn thiện các dự thảo văn bản trình kỳ họp trước khi ký ban hành

a) Đối với dự thảo nghị quyết quy phạm pháp luật: 300.000 đồng/dự thảo của tỉnh; 200.000 đồng/dự thảo của cấp huyện; 100.000 đồng/dự thảo của cấp xã.

b) Đối với các dự thảo còn lại: Bằng 70% mức bồi dưỡng quy định tại điểm a khoản này.

## 4. Bồi dưỡng tham gia hội nghị, cuộc họp, phiên họp của Thường trực HDND, các Ban của HĐND

a) Chủ trì hội nghị, cuộc họp, phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

b) Đại biểu HĐND, Thư ký hội nghị, cuộc họp, phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh: 120.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 75.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

c) Đại biểu khách mời; công chức, người lao động trực tiếp tham mưu, phục vụ kỳ họp; phóng viên của Báo, Đài tham dự hội nghị, cuộc họp, phiên họp của

Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

d) Trường hợp hội nghị, cuộc họp, phiên họp phải chuẩn bị các tài liệu có liên quan thì áp dụng mức bồi dưỡng bằng 70% mức quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

5. Trường hợp kỳ họp HĐND; hội nghị, cuộc họp, phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND trùng vào ngày nghỉ hằng tuần; trùng vào ngày nghỉ lễ, tết thì mức bồi dưỡng tại khoản 1 và khoản 4 Điều này được thực hiện theo quy định hiện hành.

### **Điều 6. Chế độ đối với hoạt động giám sát, khảo sát**

#### **1. Chế độ đối với hoạt động giám sát chuyên đề của HĐND**

a) Soạn thảo kế hoạch, đề cương, quyết định thành lập Đoàn giám sát, thông báo... (gọi chung là bộ tài liệu): 2.000.000 đồng/bộ tài liệu đối với tỉnh; 1.500.000 đồng/bộ tài liệu đối với cấp huyện; 1.000.000 đồng/bộ tài liệu đối với cấp xã.

b) Soạn thảo báo cáo kết quả giám sát: 4.000.000 đồng/báo cáo của tỉnh; 2.000.000 đồng/báo cáo của cấp huyện; 1.000.000 đồng/báo cáo của cấp xã.

c) Soạn thảo nghị quyết thông qua kết quả giám sát: Bằng 50% mức chi tại điểm b khoản này.

d) Bồi dưỡng đối tượng tham gia Đoàn giám sát: Ngoài chế độ công tác phí theo quy định của pháp luật, thành viên đoàn giám sát còn được hưởng mức bồi dưỡng như sau:

- Trưởng đoàn của tỉnh (nếu Trưởng đoàn vắng thì Phó Trưởng đoàn được hưởng chế độ như Trưởng đoàn): 200.000 đồng/buổi/người; cấp huyện: 150.000 đồng/buổi/người; cấp xã: 100.000 đồng/buổi/người.

- Thành viên đoàn của tỉnh; thành viên tổ thư ký/tổ giúp việc của tỉnh: 120.000 đồng/buổi/người; cấp huyện: 70.000 đồng/buổi/người; cấp xã: 50.000 đồng/buổi/người.

- Công chức, người lao động trực tiếp tham mưu, phục vụ; phóng viên của Báo, Đài của tỉnh tham gia Đoàn: 100.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 60.000 đồng/buổi/người; cấp xã: 40.000 đồng/buổi/người.

#### **đ) Thuê chuyên gia**

Tùy theo nội dung và tính chất của chuyên đề giám sát, Thường trực HĐND xem xét ký hợp đồng với chuyên gia để phục vụ hoạt động giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, với mức chi: 3.000.000 đồng/chuyên gia/chuyên đề của tỉnh;

2.000.000 đồng/chuyên gia/chuyên đề của cấp huyện; 1.000.000 đồng/chuyên gia/chuyên đề của cấp xã.

2. Đối với hoạt động giám sát chuyên đề; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; kiến nghị của cử tri của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND: Bằng 75% mức bồi dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với hoạt động giám sát của Tổ đại biểu HĐND: Bằng 50% mức bồi dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Đối với hoạt động khảo sát

Thường trực HĐND và các Ban của HĐND tổ chức khảo sát theo sự phân công của cấp có thẩm quyền hoặc khảo sát để phục vụ hoạt động thẩm tra nội dung trình kỳ họp HĐND được hưởng mức bằng 75% mức quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp thực hiện hoạt động giám sát, khảo sát trùng vào ngày nghỉ hằng tuần; ngày nghỉ lễ, tết thì chế độ bồi dưỡng đối tượng tham gia Đoàn giám sát, khảo sát tại điểm d khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 7. Chi xây dựng báo cáo thẩm tra dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo trình kỳ họp Hội đồng nhân dân; xây dựng báo cáo chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân**

1. Báo cáo thẩm tra dự thảo nghị quyết quy phạm pháp luật: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh.

2. Báo cáo thẩm tra các nội dung còn lại

a) Của tỉnh: 700.000 đồng/báo cáo;

b) Cấp huyện: 400.000 đồng/báo cáo;

c) Cấp xã: 200.000 đồng/báo cáo.

3. Báo cáo phối hợp thẩm tra: mức chi bằng 30% mức chi quy định tại khoản 1,2 Điều này.

4. Chi xây dựng báo cáo chuyên đề của Thường trực HĐND theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền: 1.000.000 đồng/báo cáo của tỉnh; 500.000 đồng/báo cáo của cấp huyện; 200.000 đồng/báo cáo của cấp xã.

**Điều 8. Chế độ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ**

1. Đại biểu HĐND được hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, với mức như sau:

- a) Đại biểu HĐND tỉnh: 3.000.000 đồng/người/năm.
- b) Đại biểu HĐND cấp huyện: 1.500.000 đồng/người/năm.
- c) Đại biểu HĐND cấp xã: 500.000 đồng/người/năm.

2. Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu HĐND (không bao gồm đại biểu tái cử) được hưởng bằng 50% mức hỗ trợ tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 9. Hỗ trợ may lễ phục**

1. Đại biểu HĐND được hỗ trợ tiền may lễ phục, với mức như sau:

- a) Đại biểu HĐND tỉnh: 6.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.
- b) Đại biểu HĐND cấp huyện: 4.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.
- c) Đại biểu HĐND cấp xã: 2.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.

2. Công chức, người lao động trực tiếp tham mưu, phục vụ hoạt động của HĐND được hỗ trợ tiền may trang phục bằng 50% mức quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 10. Chế độ đối với việc khai thác, nghiên cứu thông tin, học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ**

1. Đại biểu HĐND được khoán kinh phí để khai thác báo chí, thông tin với mức như sau:

- a) Đại biểu HĐND tỉnh
  - Đại biểu hoạt động chuyên trách: 400.000 đồng/người/tháng.
  - Thành viên các Ban của HĐND tỉnh: 300.000 đồng/người/tháng.
  - Đại biểu hoạt động không chuyên trách: 200.000 đồng/người/tháng.
- b) Đại biểu HĐND cấp huyện
  - Đại biểu hoạt động chuyên trách: 200.000 đồng/người/tháng.
  - Thành viên các Ban của HĐND cấp huyện: 150.000 đồng/người/tháng.
  - Đại biểu hoạt động không chuyên trách: 100.000 đồng/người/tháng.
- c) Đại biểu HĐND cấp xã
  - Đại biểu hoạt động chuyên trách: 100.000 đồng/người/tháng.
  - Thành viên các Ban của HĐND cấp xã: 75.000 đồng/người/tháng.
  - Đại biểu hoạt động không chuyên trách: 50.000 đồng/người/tháng.

2. Đại biểu HĐND được khoán kinh phí để nghiên cứu tài liệu phục vụ các hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra, thông qua nghị quyết tại kỳ họp của HĐND, với mức như sau:

a) Đại biểu HĐND tỉnh

- Đại biểu hoạt động chuyên trách: 5.000.000 đồng/người/năm.
- Thành viên các Ban của HĐND tỉnh: 4.000.000 đồng/người/năm.
- Đại biểu hoạt động không chuyên trách: 3.000.000 đồng/người/năm.

b) Đại biểu HĐND cấp huyện

- Đại biểu hoạt động chuyên trách: 1.500.000 đồng/người/năm.
- Thành viên các Ban của HĐND cấp huyện: 1.000.000 đồng/người/năm.
- Đại biểu hoạt động không chuyên trách: 500.000 đồng/người/năm.

c) Đại biểu HĐND cấp xã

- Đại biểu hoạt động chuyên trách: 700.000 đồng/người/năm.
- Thành viên các Ban của HĐND cấp xã: 500.000 đồng/người/năm.
- Đại biểu hoạt động không chuyên trách: 400.000 đồng/người/năm.

3. Đại biểu HĐND được hưởng chế độ khi tham gia học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ. Mức hưởng do Thường trực HĐND cùng cấp quyết định căn cứ vào nhu cầu, điều kiện kinh phí.

**Điều 11. Hỗ trợ hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Hỗ trợ Tổ đại biểu HĐND tỉnh: 5.000.000 đồng/Tổ đại biểu/năm.
2. Hỗ trợ Tổ đại biểu HĐND cấp huyện: 2.000.000 đồng/Tổ đại biểu/năm.

**Điều 12. Chi công tác xã hội**

1. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tổ chức đi thăm hỏi các tập thể, cá nhân có đóng góp đối với hoạt động của HĐND; các trường hợp gặp rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, tai nạn; các tập thể, cá nhân thuộc diện chính sách xã hội (không quá 02 lần/năm/đối tượng), với mức như sau:

a) Mức thăm hỏi tập thể do tỉnh tổ chức: 2.000.000 đồng/lần/đối tượng; cấp huyện tổ chức: 1.000.000 đồng/lần/đối tượng; cấp xã tổ chức: 500.000 đồng/lần/đối tượng.

b) Mức thăm hỏi cá nhân do tỉnh tổ chức: 1.000.000 đồng/lần/đối tượng; cấp huyện tổ chức: 500.000 đồng/lần/đối tượng; cấp xã tổ chức: 300.000 đồng/lần/đối tượng.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tổ chức đi thăm hỏi: Đại biểu HĐND đương nhiệm; nguyên đại biểu HĐND; cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp tham mưu, phục vụ hoạt động của HĐND và cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng) của các đối tượng này bị ốm, đau; bị mắc bệnh hiểm nghèo; từ trần, mức như sau:

a) Thăm hỏi một lần khi mắc bệnh hiểm nghèo, từ trần: do tỉnh tổ chức: 3.000.000 đồng/lần/đối tượng; cấp huyện tổ chức: 2.000.000 đồng/lần/đối tượng; cấp xã tổ chức: 1.000.000 đồng/lần/đối tượng.

b) Thăm hỏi khi ốm đau (không quá 02 lần/năm/đối tượng): do tỉnh tổ chức: 1.000.000 đồng/lần/đối tượng; cấp huyện tổ chức: 500.000 đồng/lần/đối tượng; cấp xã tổ chức: 300.000 đồng/lần/đối tượng.

3. Đại biểu HĐND được tặng quà lưu niệm khi kết thúc nhiệm kỳ HĐND. Mức quà tặng được thực hiện theo kế hoạch tổng kết nhiệm kỳ của Thường trực HĐND.

4. Việc hỗ trợ, thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng khác và các tập thể, cá nhân có đóng góp đối với hoạt động của HĐND nhân ngày truyền thống, lễ, Tết... do Thường trực HĐND quyết định. Các Ban của HĐND tổ chức đi thăm hỏi phải được sự thống nhất của Thường trực HĐND cùng cấp./.